

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sở;
2. Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2022/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022, về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc H, sinh năm 1976; Địa chỉ: 275, ấp N A, xã L, thành phố T, tỉnh L.

- Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1975; Địa chỉ: 275, ấp N A, xã L, thành phố T, tỉnh L.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Lưu Ngọc H, như sau:

Qua tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 1997 ông và bà Trần Thị X tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Th, tỉnh L ngày 14/7/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Ý không lo làm ăn, gây ra nhiều nợ nần và còn tự ý bán đất của cha mẹ ông. Từ năm 2019 vợ chồng không còn chung sống với nhau, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc, ông không biết hiện tại bà Ý đang sống ở đâu.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị X.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Trần Ngọc C, sinh ngày 23/01/1997 và Lưu Trần Bảo N, sinh ngày 06/12/2002. Hiện tại 02 con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, bà Trần Thị X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do bà Ý vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Do nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lưu Ngọc H với bà Trần Thị X.

- Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc ông Lưu Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lưu Ngọc H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị X. Do bà Trần Thị X cư trú tại xã L, thành phố T, tỉnh L nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Trần Thị X, qua xác minh đã không còn sinh sống theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Tòa án đã tiến hành làm thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự để tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Trần Thị X nhưng không có kết quả. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Lưu Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Ngọc H và bà Trần Thị X chung sống vợ chồng từ năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Th, tỉnh L, từ đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà Ý là hôn nhân hợp pháp, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông H yêu cầu được ly hôn với bà Ý vì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Vợ chồng không chung sống cùng nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Trần Thị X, đồng thời niêm yết quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Ý đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh bà Ý không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà Ý đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Lưu Ngọc H xác định có 02 con chung tên Lưu Trần Ngọc C, sinh ngày 23/01/1997 và Lưu Trần Bảo N, sinh ngày 06/12/2002. Xét thấy,

hiện tại 02 con chung đã thành niên và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Ông Lưu Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Lưu Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 238, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ông Lưu Ngọc H được ly hôn với bà Trần Thị X.

Về án phí: Ông Lưu Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001331, ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L. Ông Lưu Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- UBND xã M, huyện Th;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Phan